

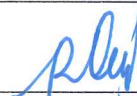
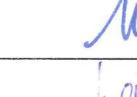
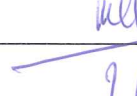
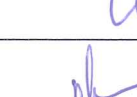
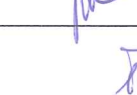
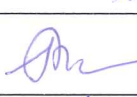
BỘ Y TẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG  
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG

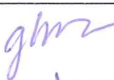
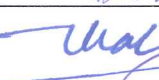
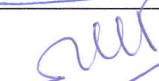
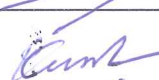
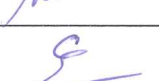
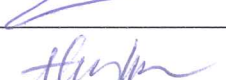
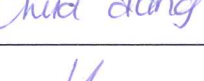
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 11 tháng 12 năm 2017

**BẢN ĐĂNG KÝ CHỮ KÝ THẦY THUỐC NĂM 2018**

(Kèm theo Công văn số: 111 /CV-BVYHP)

| TT  | HỌ VÀ TÊN            | Số chứng chỉ hành nghề |          | Phạm vi hành nghề chuyên môn           | Khoa/ Phòng         | Chữ ký                                                                                |
|-----|----------------------|------------------------|----------|----------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Phạm Văn Duyệt       | 12617                  | BYT-CCHN | Ngoại và Phẫu thuật tạo hình           | Ngoại tổng hợp      |    |
| 2.  | Phạm Văn Linh        | 12620                  | BYT-CCHN | Nội tổng hợp                           | Hô hấp tim mạch     |    |
| 3.  | Nguyễn Ngọc Hùng     | 22763                  | BYT-CCHN | Ngoại                                  | Ngoại tổng hợp      |    |
| 4.  | Nguyễn Hùng Cường    | 12599                  | BYT-CCHN | Xét nghiệm Vi sinh và Sinh học phân tử | Xét nghiệm tổng hợp |    |
| 5.  | Phạm Văn Liệu        | 12525                  | BYT-CCHN | Răng hàm mặt                           | Răng hàm mặt        |   |
| 6.  | Nguyễn Thị Hồng Liên | 12539                  | BYT-CCHN | Dị ứng – Miễn dịch lâm sàng            | Hô hấp tim mạch     |  |
| 7.  | Phạm Thị Khuyên      | 12615                  | BYT-CCHN | Nội tổng hợp                           | Hô hấp tim mạch     |  |
| 8.  | Nguyễn Thùy Linh     | 13073                  | BYT-CCHN | Nội tổng hợp                           | Hô hấp tim mạch     |  |
| 9.  | Vũ Thị Hồng          | 23074                  | BYT-CCHN | Nội hô hấp – Tim mạch                  | Hô hấp tim mạch     |  |
| 10. | Võ Thị Thanh Hiền    | 12564                  | BYT-CCHN | Thăm dò chức năng                      | Chẩn đoán chức năng |  |

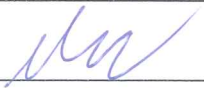
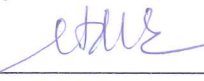
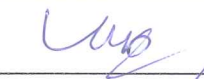
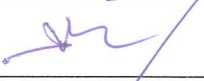
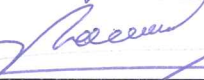
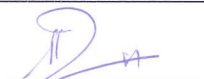
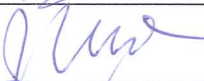
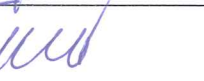
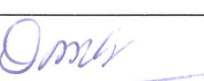
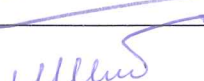
|     |                      |       |          |                                     |                     |                                                                                       |
|-----|----------------------|-------|----------|-------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 11. | Phạm Thị Nguyên      | 26166 | BYT-CCHN | Siêu âm                             | Chẩn đoán chức năng |    |
| 12. | Phạm Thị Thu Thủy    | 12583 | BYT-CCHN | Thăm dò chức năng                   | Chẩn đoán chức năng |    |
| 13. | Trần Thị Quỳnh Trang | 12507 | BYT-CCHN | Thăm dò chức năng                   | Chẩn đoán chức năng |    |
| 14. | Mai Văn Nam          | 12536 | BYT-CCHN | Chẩn đoán hình ảnh                  | Chẩn đoán hình ảnh  |    |
| 15. | Vũ Văn Thái          | 22772 | BYT-CCHN | Chẩn đoán hình ảnh                  | Chẩn đoán hình ảnh  |    |
| 16. | Nguyễn Văn Thúc      | 22794 | BYT-CCHN | Chẩn đoán hình ảnh                  | Chẩn đoán hình ảnh  |    |
| 17. | Phan Xuân Cường      | 30196 | BYT-CCHN | Chẩn đoán hình ảnh                  | Chẩn đoán hình ảnh  |    |
| 18. | Nguyễn Thị Thúy Hiếu | 12524 | BYT-CCHN | Nội tổng hợp                        | Khoa khám bệnh      |    |
| 19. | Nguyễn Thị Kim Hương | 12531 | BYT-CCHN | Dị ứng – Miễn dịch<br>Lâm sàng      | Dị ứng miễn dịch    |    |
| 20. | Nguyễn Thị Liên      | 8764  | BYT-CCHN | Da Liễu                             | Da Liễu             |   |
| 21. | Đào Minh Châu        | 22886 | BYT-CCHN | Da Liễu                             | Da Liễu             |  |
| 22. | Hoàng Thị Làn*       | 35561 | BYT-CCHN | Da Liễu                             | Da Liễu             |  |
| 23. | Phạm Xuân Hùng       | 25021 | BYT-CCHN | Gây mê hồi sức                      | Gây mê hồi sức      | Chưa đăng ký                                                                          |
| 24. | TS, Vũ Sỹ Kháng      | 12616 | BYT-CCHN | Giải phẫu bệnh, Nội soi<br>tiêu hóa | Nội soi - GPB       |  |
| 25. | Phạm Văn Tuy         | 12590 | BYT-CCHN | Giải phẫu bệnh, Nội soi<br>tiêu hóa | Nội soi – GPB       |  |

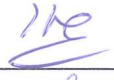
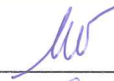
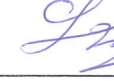
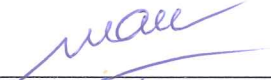
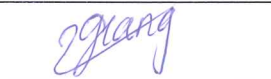
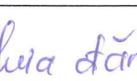
SOI CHỮ

SỞ

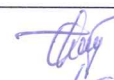
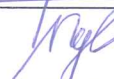
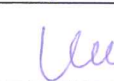
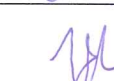
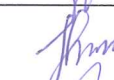
THÀNH P

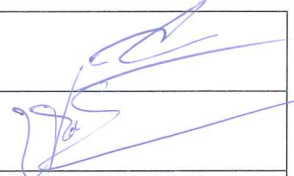
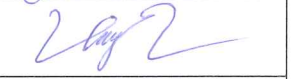
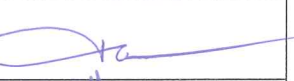
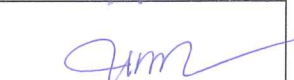
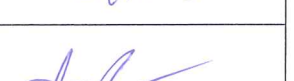
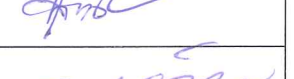
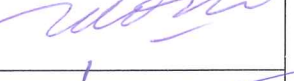
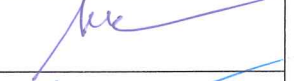


|     |                      |       |          |                            |                 |                                                                                       |
|-----|----------------------|-------|----------|----------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 26. | Phạm Thị Vân         | 12503 | BYT-CCHN | Nội soi tiêu hóa           | Nội soi – GPB   |    |
| 27. | Lê Thị Diệu Hiền     | 12603 | BYT-CCHN | Hồi sức cấp cứu            | Hồi sức cấp cứu |    |
| 28. | Vũ Thị Hồng Vân      | 12555 | BYT-CCHN | Hồi sức cấp cứu            | Hồi sức cấp cứu |    |
| 29. | Bùi Thị Hồng Nhung*  | 34537 | BYT-CCHN | Hồi sức cấp cứu            | Hồi sức cấp cứu |    |
| 30. | Ninh Văn Quân        | 12488 | BYT-CCHN | Nội tổng hợp               | Khoa Khám bệnh  |    |
| 31. | Nguyễn Văn Thành     | 15593 | BYT-CCHN | Nội tổng hợp               | Khoa Khám bệnh  |    |
| 32. | Nguyễn Văn Được      | 12542 | BYT-CCHN | Mắt                        | Mắt             |    |
| 33. | Nguyễn Thị Thu Trang | 12505 | BYT-CCHN | Mắt                        | Mắt             |    |
| 34. | Ngô Thị Thu Thủy     | 12523 | BYT-CCHN | Nội tổng hợp               | Nội tổng hợp    |    |
| 35. | Ngô Hoài Ân          | 12583 | BYT-CCHN | Nội tổng hợp               | Nội tổng hợp    |    |
| 36. | Nguyễn Trọng Hưng    | 30399 | BYT-CCHN | Ngoại                      | Ngoại tổng hợp  |   |
| 37. | Phùng Văn Duyên      | 12591 | BYT-CCHN | Ngoại                      | Ngoại tổng hợp  |  |
| 38. | Trịnh Ngọc Nam       | 12585 | BYT-CCHN | Ngoại                      | Ngoại tổng hợp  |  |
| 39. | Vũ Thành Đông        | 12584 | BYT-CCHN | Ngoại phẫu thuật, tạo hình | Ngoại tổng hợp  |  |
| 40. | Phạm Quốc Hiệu       | 29663 | BYT-CCHN | Ngoại                      | Ngoại tổng hợp  |  |

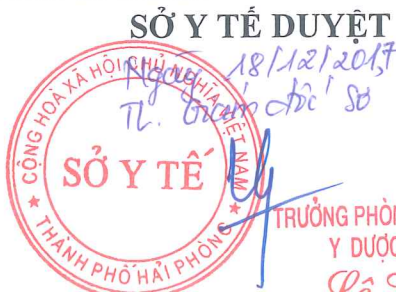
|     |                       |       |          |                                         |                    |                                                                                       |
|-----|-----------------------|-------|----------|-----------------------------------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 41. | Vũ Văn Túy            | 12605 | BYT-CCHN | Phục hồi chức năng                      | Phục hồi chức năng |    |
| 42. | Vũ Hùng Vương         | 12521 | BYT-CCHN | Phục hồi chức năng                      | Phục hồi chức năng |    |
| 43. | Đoàn Thị Thanh Hà     | 23069 | BYT-CCHN | Phục hồi chức năng –<br>Vật lý trị liệu | Phục hồi chức năng |    |
| 44. | Nguyễn Thị Ngọc Thủy* | 23070 | BYT-CCHN | Phục hồi chức năng –<br>Vật lý trị liệu | Phục hồi chức năng |    |
| 45. | Nguyễn Văn Hợi        | 12533 | BYT-CCHN | Răng hàm mặt                            | Răng hàm mặt       |    |
| 46. | Nguyễn Thị Phương Anh | 12534 | BYT-CCHN | Răng hàm mặt                            | Răng hàm mặt       |    |
| 47. | Đồng Thị Mai Hương    | 12537 | BYT-CCHN | Răng hàm mặt                            | Răng hàm mặt       |    |
| 48. | Trần Thị An Huy       | 12500 | BYT-CCHN | Răng hàm mặt                            | Răng hàm mặt       |    |
| 49. | Lương Xuân Quỳnh      | 12548 | BYT-CCHN | Răng hàm mặt                            | Răng hàm mặt       |    |
| 50. | Nguyễn Minh Tuấn      | 12593 | BYT-CCHN | Răng hàm mặt                            | Răng hàm mặt       |   |
| 51. | Đỗ Quốc Uy            | 12529 | BYT-CCHN | Răng hàm mặt                            | Răng hàm mặt       |  |
| 52. | Nguyễn Đức Tín        | 26167 | BYT-CCHN | Răng hàm mặt                            | Răng hàm mặt       |  |
| 53. | Phan Thị Thanh Giang  | 30397 | BYT-CCHN | Răng hàm mặt                            | Răng hàm mặt       |  |
| 54. | Nguyễn Tiến Đức       | 30396 | BYT-CCHN | Răng hàm mặt                            | Răng hàm mặt       | Chưa đăng ký                                                                          |
| 55. | Vũ Thị Xuân           | 23071 | BYT-CCHN | Răng hàm mặt                            | Răng hàm mặt       |  |



|     |                       |       |          |                  |                     |                                                                                       |
|-----|-----------------------|-------|----------|------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 56. | Phạm Thị Hồng Thùy    | 30199 | BYT-CCHN | Răng hàm mặt     | Răng hàm mặt        |    |
| 57. | Đoàn Trung Hiếu*      | 30395 | BYT-CCHN | Răng hàm mặt     | Răng hàm mặt        |    |
| 58. | Phạm Thị Nhung*       | 35223 | BYT-CCHN | Răng hàm mặt     | Răng hàm mặt        |    |
| 59. | Đào Thị Hải Yến       | 12575 | BYT-CCHN | Sản phụ khoa     | Sản phụ khoa        |    |
| 60. | Thái Thị Huyền        | 12595 | BYT-CCHN | Sản phụ khoa     | Sản phụ khoa        | Chưa đăng ký                                                                          |
| 61. | Bùi Văn Hiếu          | 27924 | BYT-CCHN | Sản phụ khoa     | Sản phụ khoa        |    |
| 62. | Hoàng Thị Thu Trang   | 12496 | BYT-CCHN | Sản phụ khoa     | Sản phụ khoa        |    |
| 63. | Nguyễn Quang Đạo      | 12510 | BYT-CCHN | Tai mũi họng     | Tai mũi họng        |    |
| 64. | Vũ Thị Tâm Uyên       | 22771 | BYT-CCHN | Tai mũi họng     | Tai mũi họng        |    |
| 65. | Nguyễn Thị Phương Mai | 22773 | BYT-CCHN | Sinh học phân tử | Xét nghiệm tổng hợp |    |
| 66. | Phạm Thị Tâm*         | 35227 | BYT-CCHN | Vi sinh          | Xét nghiệm tổng hợp |   |
| 67. | Nguyễn Minh Thụy      | 21552 | BYT-CCHN | Y học cổ truyền  | Y học cổ truyền     |  |
| 68. | Lê Ngọc Sơn           | 21548 | BYT-CCHN | Y học cổ truyền  | Y học cổ truyền     |  |
| 69. | Nguyễn Thị Thùy Dung  | 14145 | BYT-CCHN | Y học cổ truyền  | Y học cổ truyền     |  |
| 70. | Phạm Hải Dương        | 21553 | BYT-CCHN | Y học cổ truyền  | Y học cổ truyền     |  |

|       |                     |       |           |                                     |                     |                                                                                       |
|-------|---------------------|-------|-----------|-------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 71. ✓ | Đoàn Như Thắng      | 27120 | BYT-CCHN  | Nội tổng hợp                        | Khoa khám bệnh      |    |
| 72. ✓ | Ngô Văn Tuấn        | 12509 | BYT-CCHN  | Thận nhân tạo                       | Thận nhân tạo       |    |
| 73. ✓ | Đồng Thị Hồng Luyến | 26160 | BYT-CCHN  | Thận nhân tạo                       | Thận nhân tạo       |    |
| 74. ✓ | Trần Quốc Tuấn      | 7147  | HP-CCHN   | Gây mê                              | Gây mê              |    |
| 75. M | Nguyễn Lam Hòa      | 4504  | HP-CCHN   | Ngoại – Ung thư                     | Ung bướu            |    |
| 76. ✓ | Lê Thị Huyền Sâm    | 26165 | BYT-CCHN  | Khám chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu | Ung bướu            |    |
| 77. ✓ | Cao Thúy Loan       | 4446  | HP – CCHN | Khám chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu | Ung bướu            |    |
| 78. ✓ | Đào Thu Hồng        | 12565 | BYT-CCHN  | Chuyên khoa thăm dò chức năng       | Chẩn đoán chức năng |    |
| 79. ✓ | Bùi Thị Dịu         | 26162 | BYT-CCHN  | Chuyên khoa Mắt                     | Khoa Mắt            |    |
| 80.   | Vũ Quang Hưng*      | 30401 | BYT-CCHN  | Chuyên khoa Răng Hàm mặt            | Răng hàm mặt        |    |
| 81.   | Đặng Tuấn Anh*      | 35224 | BYT-CCHN  | Chuyên khoa Răng Hàm mặt            | Răng hàm mặt        |   |
| 82. H | Nguyễn Thị Ninh*    | 30422 | BYT-CCHN  | Chuyên khoa Răng Hàm mặt            | Răng hàm mặt        |  |

(\*): Trường hợp mới có CCHN



TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ HÀNH NGHỀ  
Y DƯỢC NGOÀI CÔNG LẬP  



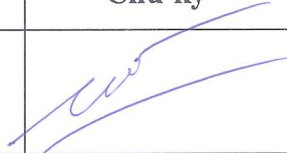

BỘ Y TẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG  
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 09 tháng 8 năm 2018

**BẢN ĐĂNG KÝ CHỮ KÝ THẦY THUỐC NĂM 2018**

(Kèm theo Công văn số: 76 /CV-BVYHP)

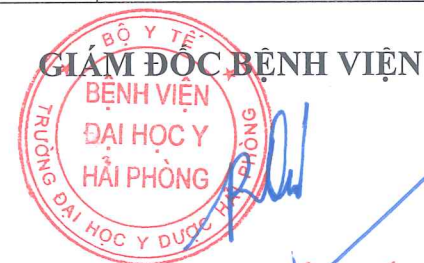
| TT | HỌ VÀ TÊN          | Số chứng chỉ hành nghề |           | Phạm vi hành nghề chuyên môn                          | Khoa/ Phòng        | Chữ ký                                                                                |
|----|--------------------|------------------------|-----------|-------------------------------------------------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. | Nguyễn Trung Thành | 037660                 | 25/6/2018 | Bác sỹ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại         | Khoa Ngoại         |    |
| 2. | Nguyễn Thị Dinh    | 037709                 | 27/6/2018 | Bác sỹ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Thận Nhân tạo | Khoa Thận Nhân tạo |    |
| 3. | Phạm Minh Thảo     | 037659                 | 25/6/2018 | Bác sỹ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm mặt  | Khoa Răng Hàm mặt  |   |
| 4. | Trần Phương Linh   | 037661                 | 25/6/2018 | Bác sỹ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm mặt  | Khoa Răng Hàm mặt  |  |

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- lưu;



TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ HÀNH NGHỀ  
Y DƯỢC NGOÀI CÔNG LẬP  
*Lê Thị Thủy*



GIÁM ĐỐC  
PGS.TS. *Phạm Văn Duyệt*

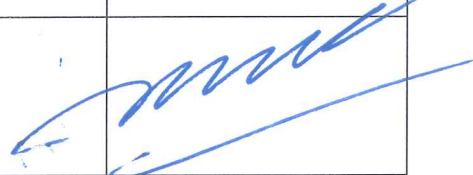


BỘ Y TẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG  
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 1 năm 2018

**BẢN ĐĂNG KÝ CHỮ KÝ THẦY THUỐC NĂM 2018**  
(Kèm theo Công văn số: 05 /CV-BVYHP)

| TT | HỌ VÀ TÊN           | Số chứng chỉ hành nghề |          | Phạm vi hành nghề chuyên môn                                | Khoa/ Phòng      | Chữ ký                                                                              |
|----|---------------------|------------------------|----------|-------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. | Phạm Văn Thúc       | 0012608                | BYT-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Dị ứng- Miễn dịch lâm sàng | Dị ứng miễn dịch |  |
| 2. | Nguyễn Thị Thu Hiền | 001447                 | BYT-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền                   | Y học cổ truyền  |  |

SỞ Y TẾ DUYỆT



TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ HÀNH NGHỀ  
Y DƯỢC NGOÀI CÔNG LẬP  
*Lê Thị Thủy*

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN



GIÁM ĐỐC  
PGS.TS. *Phạm Văn Duyệt*